|  |  |
| --- | --- |
| BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯Số: /QĐ-ĐHV | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯*Nghệ An, ngày tháng năm 2023* |

**Dự thảo lần 3**

**QUYẾT ĐỊNH**

**bổ sung Phụ lục cho Quy định về hoạt động khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo của Trường Đại học Vinh ban hành kèm theo Quyết định số 2345/QĐ-ĐHV ngày 09/9/2022 của Trường Đại học Vinh**

¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

*Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Đại học ngày 19/11/2018;*

*Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;*

*Căn cứ Nghị định số 99/2014/NĐ-CP ngày 25/10/2014 của Chính phủ Quy định việc đầu tư phát triển tiềm lực và khuyến khích hoạt động khoa học và công nghệ trong các cơ sở giáo dục đại học;*

*Căn cứ Nghị định số 109/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ Quy định về hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học;*

*Căn cứ Quyết định số 62/2001/QĐ-TTg ngày 25/4/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Sư phạm Vinh thành Trường Đại học Vinh;*

*Căn cứ Thông tư số 22/2011/TT-BGDĐT ngày 30/5/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về hoạt động khoa học và công nghệ trong các cơ sở giáo dục đại học;*

*Căn cứ Thông tư số 26/2021/TT-BGDĐT ngày 17/9/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên trong cơ sở giáo dục đại học;*

*Căn cứ Quyết định số 1230/QĐ-BGDĐT ngày 30/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Kế hoạch triển khai Đề án “Hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp đến năm 2025” của ngành giáo dục;*

*Căn cứ Nghị quyết số 06/NQ-HĐT ngày 12/5/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Vinh về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Vinh;*

*Căn cứ Quyết định số 2345/QĐ-ĐHV ngày 09/9/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh ban hành Quy định về hoạt động khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo của Trường Đại học Vinh;*

*Xét đề nghị của Trưởng phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Bổ sung Phụ lục cho Quy định về hoạt động khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo của Trường Đại học Vinh ban hành kèm theo Quyết định số 2345/QĐ-ĐHV ngày 09/9/2022 của Trường Đại học Vinh:

“**Phụ lục 3. Đầu tư, khen thưởng, quy đổi giờ chuẩn giảng dạy đối với các sản phẩm khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp”**

**1. Quy định chung**

*1.1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng*

1. Văn bản này quy định về mục tiêu, nguyên tắc, các loại hình, định mức, quy trình thực hiện đầu tư, khen thưởng đối với các sản phẩm khoa học công nghệ (KHCN), đổi mới sáng tạo (ĐMST) và khởi nghiệp của viên chức, người lao động và người học (sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh, học sinh trường THPT chuyên, Trường Thực hành sư phạm) thuộc Trường Đại học Vinh.

2. Quy định này áp dụng đối với các đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan thuộc Trường Đại học Vinh.

*1.2. Nguyên tắc đầu tư, khen thưởng*

1. Nhà trường đầu tư, khen thưởng đối với các sản phẩm KHCN, ĐMST và khởi nghiệp của viên chức, người lao động và người học, bao gồm:

a) Các sản phẩm KHCN, ĐMST bậc cao:

 - Bằng độc quyền sáng chế/Giải pháp hữu ích/Giải pháp kỹ thuật được bảo hộ bởi pháp luật về sở hữu trí tuệ (đã được cấp bằng, giấy chứng nhận hoặc văn bản có giá trị pháp lý tương đương);

 - Các công trình công bố trên các Tạp chí khoa học có trong cơ sở dữ liệu của Web of Science (WoS) hoặc Scopus; các sách/chương sách được xuất bản bởi các Nhà xuất bản quốc tế có uy tín (đã được xuất bản, kể cả xuất bản online).

 b) Các sản phẩm khác gắn với hoạt động NCKH, ĐMST và khởi nghiệp:

 - Công trình công bố trên các Tạp chí khoa học, Kỷ yếu Hội nghị, hội thảo khoa học trong và ngoài nước (theo quy định của Hội đồng Giáo sư Nhà nước tại thời điểm công trình được chấp nhận công bố);

 - Công trình đạt giải thưởng trong các hội nghị NCKH, cuộc thi/hội thi ĐMST, khởi nghiệp, sáng tạo nghệ thuật và sáng tạo khoa học kỹ thuật (KHKT) các cấp dành cho người học.

c) Việc xem xét đầu tư, khen thưởng của các sản phẩm ở các điểm a và b nói trên có tính đến uy tín, chất lượng của tạp chí/kỷ yếu hội nghị, hội thảo (theo bảng xếp hạng của Scimago Journal & Country Rank; theo quy định của Hội đồng Giáo sư Nhà nước), loại giải thưởng và cấp đạt được.

2. Nhà trường chỉ xem xét đầu tư, khen thưởng các sản phẩm có sự tham gia của viên chức, người lao động và người học thuộc Trường Đại học Vinh (tính tại thời điểm công bố) và gắn với thương hiệu Trường Đại học Vinh.

3. Định mức khen thưởng đối với các sản phẩm KHCN, ĐMST và khởi nghiệp được chia đều cho số tác giả và tính cho số tác giả có địa chỉ Trường Đại học Vinh.

Chỉ tính 50% định mức theo quy định nếu sản phẩm thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Tác giả đứng thêm tên của cơ quan/đơn vị ngoài Trường Đại học Vinh;

b) Sản phẩm được tài trợ bởi nhiều hơn một chương trình, đề tài, dự án... hoặc bởi các chương trình, đề tài, dự án... không do Trường Đại học Vinh chủ trì.

**2. Đầu tư đối với các sản phẩm KHCN, ĐMST và khởi nghiệp**

*2.1. Định mức đầu tư đối với các sản phẩm KHCN, ĐMST bậc cao*

 Mức đầu tư cho các loại hình sản phẩm KHCN, ĐMST bậc cao như sau:

| **STT** | **Loại hình** **sản phẩm** | **Đơn vị tính** | **Định mức đầu tư***(triệu đồng)* |
| --- | --- | --- | --- |
| Lĩnh vực Khoa học xã hội và Khoa học nhân văn | Các lĩnh vực KHCN khác |
| Nghiên cứu cơ bản (*không sử dụng, tiêu hao vật tư, hóa chất ...)* | Nghiên cứu thực nghiệm (*có sử dụng, tiêu hao vật tư, hóa chất ...)* |
| 1 | Sản phẩm được cấp **Bằng độc quyền sáng chế/Giải pháp hữu ích/Giải pháp kỹ thuật** được bảo hộ quốc tế.  | Bằng/Giải pháp | 400 | 200 | 300 |
| 2 | Sản phẩm được cấp **Bằng độc quyền sáng chế/Giải pháp hữu ích/Giải pháp kỹ thuật** được bảo hộ quốc gia.  | Bằng/Giải pháp | 240 | 120 | 180 |
| 3 | Công trình công bố trên các Tạp chí khoa học thuộc một trong các danh mục **SCIE, A&HCI, SSCI** (\*) và được Scimago Journal & Country Rank xếp hạng **Q1.** | Bài báo | 100 | 50 | 75 |
| 4 | Công trình công bố trên các Tạp chí khoa học thuộc một trong các danh mục **SCIE, A&HCI, SSCI** và được Scimago Journal & Country Rank xếp hạng **Q2.** | Bài báo | 90 | 45 | 67.5 |
| 5 | Công trình công bố trên các Tạp chí khoa học thuộc một trong các danh mục **SCIE, A&HCI, SSCI** và được Scimago Journal & Country Rank xếp hạng **Q3.** | Bài báo | 80 | 40 | 60 |
| 6 | Công trình công bố trên các Tạp chí khoa học thuộc một trong các danh mục **SCIE, A&HCI, SSCI** và được Scimago Journal & Country Rank xếp hạng **Q4.** | Bài báo | 70 | 35 | 52,5 |
| 7 | + Công trình công bố trên các Tạp chí khoa học thuộc danh mục **ESCI**;*hoặc*+ Công trình công bố trên Kỷ yếu các hội nghị, hội thảo khoa học thuộc danh mục **CPSI-S**. | Bài báo/Bài kỷ yếu | 60 | 30 | 45 |
| 8 | Công trình công bố trên các tạp chí khoa học/sách/kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học có trong cơ sơ dữ liệu **Scopus**. | Bài báo/Đầu sách/Bài kỷ yếu | 50 | 25 | 37,5 |
| 9  | Đối với các sản phẩm KHCN, ĐMST không thuộc vào một trong các trường hợp trên, Phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế thẩm định và trình Hội đồng Khoa học và Đào tạo Nhà trường xem xét để tham mưu cho Hiệu trưởng quyết định |

*(\*) Các chữ viết tắt:*

*+ SCIE: Science Citation Index Expanded;*

*+ SSCI: Social Sciences Citation Index;*

*+ A&HCI: Arts & Humanities Citation Index;*

*+ ESCI: Emerging Sources Citation Index;*

*+ CPCI-S: Conference Proceedings Citation Index-Science.*

***2.2. Định mức đầu tư sản phẩm KHCN, ĐMST khác gắn với hoạt động NCKH, khởi nghiệp của người học***

 Sản phẩm KHCN, ĐMST khác gắn với hoạt động NCKH, khởi nghiệp của người học được Nhà trường đầu tư như sau:

| **STT** | **Loại hình sản phẩm** | **Đơn vị tính** | **Mức đầu tư***(triệu đồng)* |
| --- | --- | --- | --- |
| 1 | Công trình công bố trên Tạp chí nước ngoài (*không thuộc danh mục ở mục 2.1*) được HĐGSNN tính đến 1,5 điểm trở lên | Bài báo | 15,0 |
| 2 | Công trình bằng tiếng Anh công bố trên Tạp chí khoa học trong nước, Kỷ yếu Hội nghị, hội thảo được HĐGSNN tính đến 1,0 điểm trở lên. | Bài báo/Kỷ yếu | 8,0 |
| 3 | Đối với các sản phẩm KHCN, ĐMST không thuộc vào một trong các trường hợp trên, Phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế thẩm định và trình Hội đồng Khoa học và Đào tạo Nhà trường xem xét để tham mưu cho Hiệu trưởng quyết định |

*2.3. Định mức đầu tư đối với các giải thưởng NCKH, ĐMST, khởi nghiệp, sáng tạo nghệ thuật và sáng tạo KHKT của người học*

1. Định mức đầu tư đối với các giải thưởng NCKH, ĐMST, khởi nghiệp, sáng tạo nghệ thuật và sáng tạo KHKT của người học cụ thể như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Loại hình** **giải thưởng** | **Đơn vị tính** | **Mức đầu tư***(triệu đồng)* |
|
| **I** | **Hội nghị NCKH, hội thi ĐMST, khởi nghiệp, sáng tạo nghệ thuật và sáng tạo KHKT cấp Bộ, ban, ngành, đoàn thể trung ương, cấp tỉnh hoặc tương đương** |
| 1 | Giải Nhất | Giải thưởng | 20,0 |
| 2 | Giải Nhì  | Giải thưởng | 15,0 |
| 3 | Giải Ba  | Giải thưởng | 10,0 |
| 4 | Giải Khuyến khích  | Giải thưởng | 8,0 |
| **II.**  | **Hội nghị NCKH, hội thi ĐMST, khởi nghiệp, sáng tạo nghệ thuật và sáng tạo KHKT cấp Trường ĐH Vinh** |
| 5 | Giải Nhất | Giải thưởng | 10,0 |
| 6 | Giải Nhì  | Giải thưởng | 8,0 |
| 7 | Giải Ba  | Giải thưởng | 5,0 |
| 8 | Giải Khuyến khích  | Giải thưởng | 3,0 |
| **III.**  | **Hội nghị SV NCKH, hội thi ĐMST, khởi nghiệp, sáng tạo nghệ thuật và sáng tạo KHKT cấp Trường thuộc/Khoa/Viện** |
| 9 | Giải Nhất  | Giải thưởng | 5,0 |
| 10 | Giải Nhì  | Giải thưởng | 3,0 |
| 11 | Giải Ba | Giải thưởng | 2,0 |

2. Các trường hợp khác do Hiệu trưởng Nhà trường quyết định.

*2.4. Quy trình đăng ký thực hiện sử dụng nguồn kinh phí đầu tư cho các sản phẩm* *KHCN, ĐMST*

*a. Đối với các sản phẩm KHCN, ĐMST bậc cao*

Các cá nhân, đơn vị, nhóm nghiên cứu/nhóm nghiên cứu mạnh đăng ký thực hiện nhiệm vụ KHCN sử dụng nguồn kinh phí đầu tư của Nhà trường theo quy trình sau:

 **Bước 1**. Đề xuất nhiệm vụ

 Căn cứ định mức đầu tư hằng năm và các nhiệm vụ đặt hàng của Nhà trường, các cá nhân, đơn vị, nhóm nghiên cứu/nhóm nghiên cứu mạnh đề xuất nhiệm vụ, loại hình, số lượng sản phẩm KHCN, ĐMST bậc cao dự kiến đạt được để thực hiện;

 **Bước 2**. Thẩm định đề xuất

 Phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế tham mưu cho Hiệu trưởng Nhà trường lựa chọn và mời các nhà khoa học tham gia Hội đồng thẩm định đề xuất;

 **Bước 3**. Trình xin ý kiến Hội đồng Khoa học và Đào tạo

Phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế tổng hợp ý kiến của các nhà khoa học trong Hội đồng thẩm định gửi xin ý kiến Hội đồng Khoa học và Đào tạo;

**Bước 4**. Hoàn thiện hồ sơ

Căn cứ kết luận của Chủ tịch Hội đồng Khoa học và Đào tạo, Phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế tham mưu cho Hiệu trưởng Nhà trường ban hành quyết định phê duyệt danh mục các nhiệm vụ KHCN được chấp thuận đầu tư; hướng dẫn các đơn vị, nhóm nghiên cứu/nhóm nghiên cứu mạnh và cá nhân chủ trì hoàn thiện hồ sơ, ký kết hợp đồng;

**Bước 5**. Triển khai thực hiện và nghiệm thu.

Phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế chịu trách nhiệm theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện, tổ chức nghiệm thu các nhiệm vụ KHCN, ĐMST theo đúng hợp đồng ký kết và các văn bản quy định hiện hành của Nhà nước, Nhà trường có liên quan.

*b. Đối với các sản phẩm, giải thưởng gắn với hoạt động NCKH, ĐMST và khởi nghiệp của người học*

Các giảng viên đăng ký cho các nhóm người học thực hiện theo quy trình:

**Bước 1** đến **Bước 3**, tương tự **Bước 1 - Bước 3** trong quy trình ở *mục 1 nói trên* nhưng thực hiện ở cấp Trường thuộc/Khoa/Viện.

**Bước 4**. Hoàn thiện hồ sơ

Căn cứ đề nghị của Hội đồng Khoa học và Đào tạo các Trường thuộc/Khoa/Viện, Phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế tham mưu cho Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh ban hành quyết định phê duyệt danh mục các nhiệm vụ KHCN được chấp thuận đầu tư; hướng dẫn giảng viên và nhóm nghiên cứu của người học ký kết hợp đồng.

**Bước 5**. Triển khai thực hiện và nghiệm thu

Các Trường thuộc/Khoa/Viện theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện, phối hợp với Phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế tổ chức nghiệm thu các nhiệm vụ KHCN, ĐMST và thẩm định các sản phẩm theo đúng hợp đồng ký kết.

**3. Khen thưởng đối với các sản phẩm KHCN, ĐMST và khởi nghiệp**

*3.1. Định mức khen thưởng, quy đổi giờ giảng dạy đối với các sản phẩm KHCN, ĐMST bậc cao*

*a. Sản phẩm từ hoạt động KHCN, ĐMST có nguồn kinh phí dạng 1*

 Nguồn kinh phí dạng 1 là nguồn kinh phí do các tổ chức/cá nhân đầu tư để thực hiện nhiệm vụ KHCN, ĐMST tạo ra sản phẩm. Sản phẩm từ hoạt động KHCN, ĐMST có nguồn kinh phí dạng 1 được Nhà trường khen thưởng, quy đổi giờ giảng dạy như sau:

| **STT** | **Loại hình sản phẩm** | **Đơn vị tính** | **Nguồn kinh phí dạng 1**  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mức khen thưởng***(triệu đồng)* | **Giờ** **giảng dạy***(tiết chuẩn)* |
| 1 | Sản phẩm được cấp **Bằng độc quyền sáng chế/Giải pháp hữu ích/Giải pháp kỹ thuật** được bảo hộ quốc tế. | Bằng/Giải pháp | 100 | 270 |
| 2 | Sản phẩm được cấp **Bằng độc quyền sáng chế/Giải pháp hữu ích/Giải pháp kỹ thuật** được bảo hộ quốc gia. | Bằng/Giải pháp | 60 | 162 |
| 3 | Công trình công bố trên các Tạp chí khoa học thuộc một trong các danh mục **SCIE, A&HCI, SSCI** và được Scimago Journal & Country Rank xếp hạng **Q1.** | Bài báo | 50 | 135 |
| 4 | Công trình công bố trên các Tạp chí khoa học thuộc một trong các danh mục **SCIE, A&HCI, SSCI** và được Scimago Journal & Country Rank xếp hạng **Q2.** | Bài báo | 40 | 108 |
| 5 | Công trình công bố trên các Tạp chí khoa học thuộc một trong các danh mục **SCIE, A&HCI, SSCI** và được Scimago Journal & Country Rank xếp hạng **Q3.** | Bài báo | 30 | 81 |
| 6 | Công trình công bố trên các Tạp chí khoa học thuộc một trong các danh mục **SCIE, A&HCI, SSCI** và được Scimago Journal & Country Rank xếp hạng **Q4.** | Bài báo | 25 | 68 |
| 7 | + Công trình công bố trên các Tạp chí khoa học thuộc danh mục **ESCI**;hoặc+ Công trình công bố trên Kỷ yếu các hội nghị, hội thảo khoa học thuộc danh mục **CPSI-S**. | Bài báo/bài kỷ yếu | 20 | 54 |
| 8 | Đối với các sản phẩm KHCN, ĐMST không thuộc vào một trong các trường hợp trên, Phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế thẩm định và trình Hội đồng Khoa học và Đào tạo Nhà trường xem xét để tham mưu cho Hiệu trưởng quyết định |

*b. Sản phẩm từ hoạt động KHCN, ĐMST có nguồn kinh phí dạng 2*

 Nguồn kinh phí dạng 2 là nguồn kinh phí được cấp từ các nhiệm vụ KHCN, ĐMST cấp nhà nước, cấp bộ, cấp tỉnh, cấp Trường... Sản phẩm từ hoạt động KHCN, ĐMST có nguồn kinh phí dạng 2 được Nhà trường khen thưởng và quy đổi giờ giảng dạy như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Loại hình sản phẩm** | **Đơn vị tính** | **Nguồn kinh phí dạng 2**  |
| **Mức khen thưởng***(triệu đồng)* | **Giờ** **giảng dạy***(tiết chuẩn)* |
| 1 | Sản phẩm được cấp **Bằng độc quyền sáng chế/Giải pháp hữu ích/Giải pháp kỹ thuật** được bảo hộ quốc tế. | Bằng/Giải pháp | 50 | 135 |
| 2 | Sản phẩm được cấp **Bằng độc quyền sáng chế/Giải pháp hữu ích/Giải pháp kỹ thuật** được bảo hộ quốc gia. | Bằng/Giải pháp | 30 | 81 |
| 3 | Công trình công bố trên các Tạp chí khoa học thuộc một trong các danh mục **SCIE, A&HCI, SSCI** và được Scimago Journal & Country Rank xếp hạng **Q1.** | Bài báo | 25 | 67,5 |
| 4 | Công trình công bố trên các Tạp chí khoa học thuộc một trong các danh mục **SCIE, A&HCI, SSCI** và được Scimago Journal & Country Rank xếp hạng **Q2.** | Bài báo | 20 | 54 |
| 5 | Công trình công bố trên các Tạp chí khoa học thuộc một trong các danh mục **SCIE, A&HCI, SSCI** và được Scimago Journal & Country Rank xếp hạng **Q3.** | Bài báo | 15 | 40,5 |
| 6 | Công trình công bố trên các Tạp chí khoa học thuộc một trong các danh mục **SCIE, A&HCI, SSCI** và được Scimago Journal & Country Rank xếp hạng **Q4.** | Bài báo | 12,5 | 34 |
| 7 | + Công trình công bố trên các Tạp chí khoa học thuộc danh mục **ESCI**;hoặc+ Công trình công bố trên Kỷ yếu các hội nghị, hội thảo khoa học thuộc danh mục **CPSI-S**. | Bài kỷ yếu | 10 | 27 |
| 8 | Đối với các sản phẩm KHCN, ĐMST không thuộc vào một trong các trường hợp trên, Phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế thẩm định và trình Hội đồng Khoa học và Đào tạo Nhà trường xem xét để tham mưu cho Hiệu trưởng quyết định |

c. Mỗi sản phẩm được hưởng 1 (một) và chỉ một hình thức: khen thưởng bằng tiền hoặc giờ giảng dạy quy đổi. Tác giả (đại diện nhóm tác giả) đăng ký hình thức thụ hưởng khi thực hiện kê khai sản phẩm đề nghị khen thưởng.

 d. Người học của Nhà trường là đồng tác giả của các sản phẩm KHCN, ĐMST bậc cao được tính định suất khen thưởng tương đương đồng tác giả là viên chức, người lao động của Nhà trường.

*e. Quy trình khen thưởng*

**Bước 1**. Thống kê

Đầu quý I hàng năm, Phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế tham mưu cho Hiệu trưởng Nhà trường ra thông báo đến toàn thể cán bộ, viên chức, người lao động về việc thống kê các bài báo công bố trên các Tạp chí khoa học có trong cơ sở dữ liệu của WoS/Scopus và hướng dẫn tác giả các công trình thực hiện kê khai đúng yêu cầu.

**Bước 2**. Thẩm định

Phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế chịu trách nhiệm thẩm định kết quả kê khai. Kết quả thẩm định được gửi đến tác giả đại diện của mỗi công trình để kiểm tra lại. Nếu tác giả đại diện của công trình đồng ý với kết quả thẩm định của Phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế thì Phòng sẽ thực hiện các bước tiếp theo. Nếu chưa đồng ý với kết quả thẩm định, tác giả đại diện của công trình gặp và trao đổi trực tiếp với Lãnh đạo Phòng và người thẩm định để thống nhất.

**Bước 3**. Phê duyệt kết quả khen thưởng

Phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế tham mưu cho Hiệu trưởng Nhà trường ban hành quyết định phê duyệt danh mục các nhiệm vụ KHCN được khen thưởng và mức kinh phí khen thưởng hay số giờ giảng dạy quy đổi cho mỗi công trình; hướng dẫn tác giả đại diện làm thủ tục nhận thưởng (mỗi công trình chỉ có một tác giả đại diện nhận thưởng).

**Bước 4**. Khen thưởng

Căn cứ quyết định khen thưởng được phê duyệt, các công trình đăng ký nhận tiền thưởng được trả thưởng theo số tài khoản của tác giả đại diện; đối với các công trình đăng ký nhận giờ giảng dạy, số giờ quy đổi được tính để kê khai, tính giờ giảng dạy cho người đại diện.

***3.2.******Khen thưởng đối với các giải thưởng gắn với hoạt động NCKH, ĐMST, khởi nghiệp, sáng tạo nghệ thuật và sáng tạo KHKT của người học***

 1. Các loại hình giải thưởng gắn với hoạt động NCKH, ĐMST, khởi nghiệp, sáng tạo nghệ thuật và sáng tạo KHKT của người học được Nhà trường xem xét khen thưởng bao gồm:

 + Giải thưởng Hội nghị NCKH, hội thi ĐMST, khởi nghiệp, sáng tạo nghệ thuật và sáng tạo KHKT cấp Bộ, ban, ngành, đoàn thể trung ương, cấp tỉnh hoặc tương đương;

 + Giải thưởng Hội nghị NCKH, hội thi ĐMST, khởi nghiệp, sáng tạo nghệ thuật và sáng tạo KHKT cấp Trường Đại học Vinh;

 2. Định mức khen thưởng được thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước và Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường Đại học Vinh.

4. Kinh phí đầu tư, khen thưởng

1. Kinh phí đầu tư, khen thưởng các hoạt động NCKH, ĐMST và khởi nghiệp của người học được trích từ nguồn kinh phí dùng cho hoạt động KHCN của Nhà trường, quỹ hỗ trợ khởi nghiệp và các nguồn đầu tư hợp pháp khác.

2. Nếu nhiệm vụ NCKH, ĐMST và khởi nghiệp của người học đăng ký cả loại công bố khoa học và loại giải thưởng, mức đầu tư sẽ là tổng kinh phí đăng ký cho loại hình sản phẩm và loại giải thưởng đó.

3. Trong quá trình thực hiện, các nhiệm vụ NCKH, ĐMST và khởi nghiệp có thể tạm ứng kinh phí đầu tư để thực hiện. Sau khi hoàn thành việc thẩm định các sản phẩm và nghiệm thu kết thúc, kinh phí đầu tư sẽ được quyết toán theo các sản phẩm đã đạt được theo quy định hiện hành của Nhà trường.

**5. Tổ chức thực hiện**

*5.1. Trách nhiệm thi hành*

1. Các phòng, ban, trung tâm chịu trách nhiệm thi hành quy định này theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị và theo sự phân công của Nhà trường trong từng hoạt động cụ thể.

2. Các Trường thuộc/Khoa/Viện xây dựng, thực hiện kế hoạch, kiểm tra, giám sát các hoạt động KHCN, ĐMST và khởi nghiệp của cán bộ, viên chức và người học theo từng học kỳ, năm học; phối hợp với các đơn vị chức năng trong Trường Đại học Vinh để tổ chức hội nghị NCKH, hội thi về ĐMST, khởi nghiệp, sáng tạo nghệ thuật và sáng tạo KHKT dành cho người học, đánh giá các sản phẩm và các hoạt động liên quan khác.

3. Viên chức, người lao động và người học thực hiện việc đăng ký, thực hiện các nhiệm vụ KHCN theo đúng hợp đồng về đầu tư, khen thưởng.

4. Các giảng viên/nhóm giảng viên tổ chức cho người học thực hiện các hoạt động NCKH, ĐMST và khởi nghiệp gắn với môn học theo dự án, đồ án/liên môn học/liên ngành học; hỗ trợ người học tham dự xét các giải thưởng các cấp.

5. Người học thực hiện các hoạt động NCKH, ĐMST và khởi nghiệp dưới sự tổ chức/hướng dẫn trực tiếp của giảng viên/nhóm giảng viên, giám sát của Trường thuộc/Khoa/Viện; tham gia hội thi, xét giải thưởng các cấp.

***5.2. Xử lý vi phạm***

1. Các hoạt động KHCN, ĐMST và khởi nghiệp ở Trường Đại học Vinh phải tuân thủ pháp luật hiện hành và các văn bản quy định, hướng dẫn có liên quan.

2. Các tập thể, cá nhân có hành vi vi phạm quy định trong quản lý, tổ chức thực hiện việc đầu tư, khen thưởng cho các hoạt động NCKH, ĐMST và khởi nghiệp, tùy theo mức độ sẽ bị xử lý theo quy định pháp luật và quy định của Trường Đại học Vinh.

3. Các nhiệm vụ NCKH, ĐMST và khởi nghiệp được đánh giá không hoàn thành sẽ phải hoàn trả kinh phí đầu tư, đồng thời không được đăng ký đầu tư, khen thưởng trong 24 tháng tiếp theo.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế cho Quy định về việc đầu tư, khen thưởng, quy đổi giờ chuẩn giảng dạy đối với các sản phẩm khoa học và công nghệ chất lượng cao ban hành theo Quyết định số 40/QĐ-ĐHV ngày 10/01/2020 và Quy định về việc đổi mới phương thức tổ chức và trao giải thưởng sinh viên nghiên cứu khoa học ban hành kèm theo Quyết định số 137/QĐ-ĐHV ngày 15/01/2019 và các văn bản trước đây của Nhà trường về các vấn đề có liên quan.

**Điều 3.** Trưởng các đơn vị: Khoa học và Hợp tác quốc tế, Hành chính Tổng hợp, Kế hoạch - Tài chính; các đơn vị và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như Điều 3;- Đảng ủy, HĐT (để b/c);- Các Phó Hiệu trưởng (để c/đ);- KBNN Nghệ An (để p/h);- Lưu: HCTH, KH&HTQT. | **HIỆU TRƯỞNG****GS.TS. Nguyễn Huy Bằng** |